

**SeA Securities**

Công ty Chứng khoán Đông Nam Á

TỔNG HỢP**GIAO DỊCH NĐT NƯỚC NGOÀI**

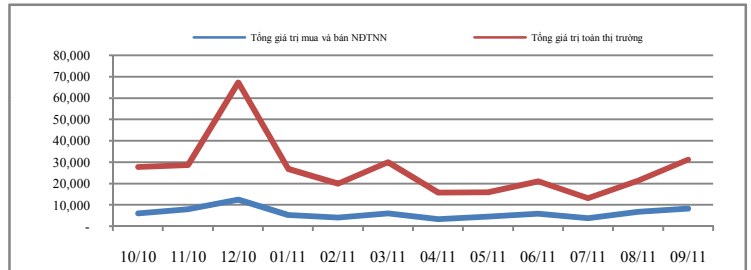
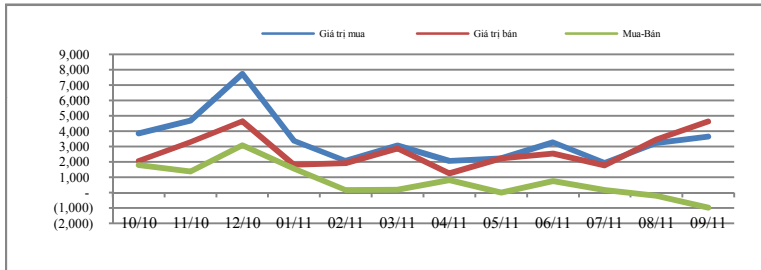
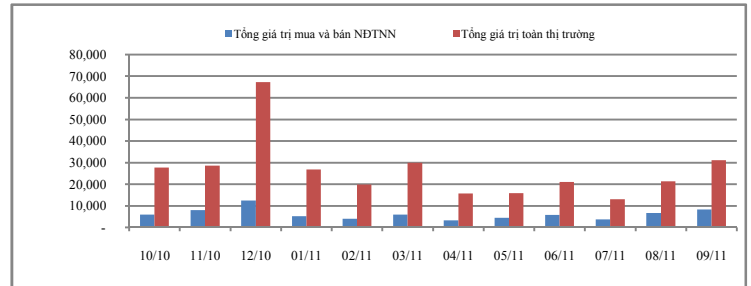
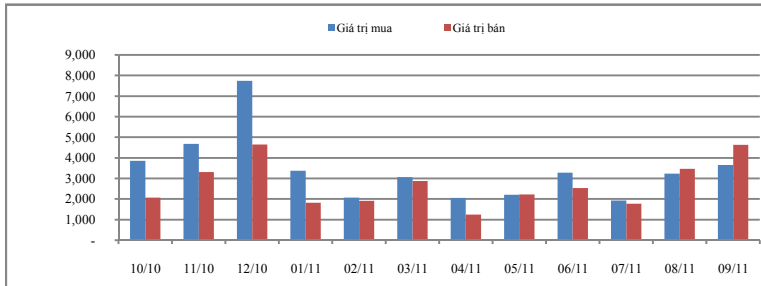
CTCP CK Đông Nam Á - 14 Láng Hạ, Ba Đình, HN- ĐT: 04-62753844 - Fax: 04-62753816 - www.seasc.com.vn- Email: seasc@seasc.com.vn

QUY MÔ GIAO DỊCH NĐTNN THEO THÁNG (HOSE+HNX)

Ngày 29/10/11

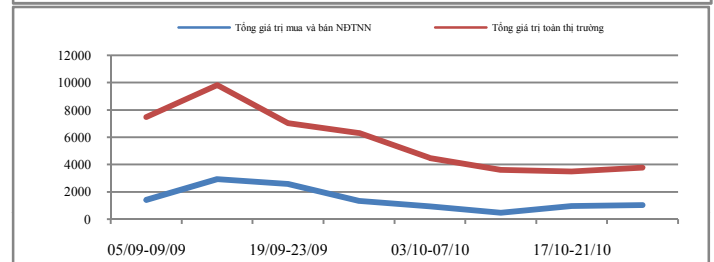
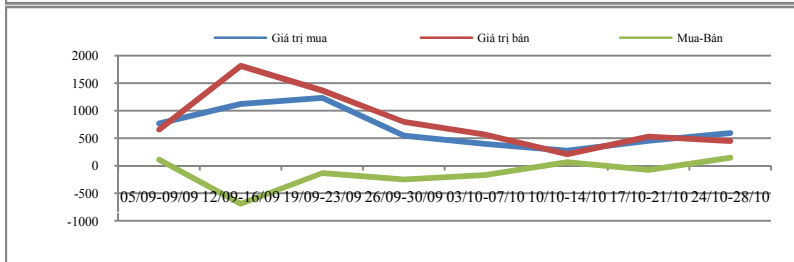
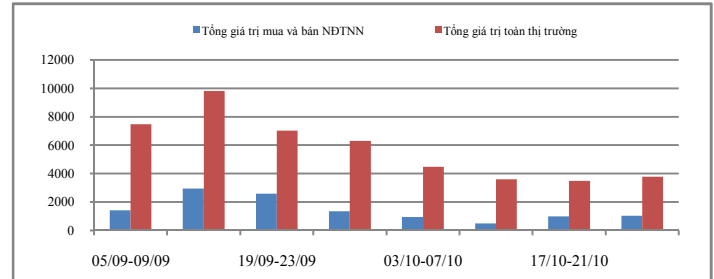
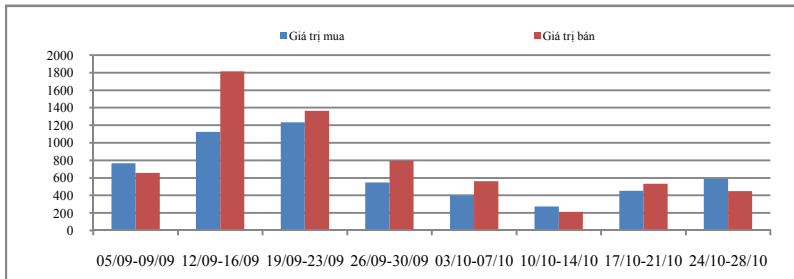
Tháng (tỷ đồng)	10/10	11/10	12/10	01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11
Giá trị mua	3,851.19	4,683.21	7,745.41	3,375.93	2,063.68	3,066.33	2,049.80	2,211.69	3,276.77	1,928.34	3,234.90	3,647.65
Giá trị bán	2,065.1	3,304.9	4,655.2	1,818.4	1,906.7	2,874.1	1,243.8	2,227.8	2,537.6	1,773.7	3,458.8	4,636.71
Mua-Bán	1,786.12	1,378.27	3,090.26	1,557.55	156.94	192.21	806.00	(16.06)	739.20	154.66	(223.87)	(989.05)
Tổng giá trị mua và bán NĐTNN	5,916	7,988	12,401	5,194	3,970	5,940	3,294	4,439	5,814	3,702	6,694	8,284
Tổng giá trị toàn thị trường	27,721	28,601	67,192	26,758	19,906	29,949	15,769	15,880	20,970	13,001	21,302	31,141
% GDNĐTNN so với thị trường	21.34%	27.93%	18.46%	19.41%	19.95%	19.84%	20.89%	27.96%	27.73%	28.47%	31.42%	26.60%

(GTGD NĐTNN là tổng giá trị mua và bán)

**QUY MÔ GIAO DỊCH NĐTNN THEO TUẦN (HOSE+HNX)**

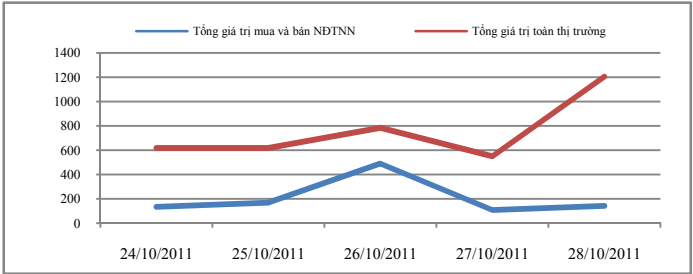
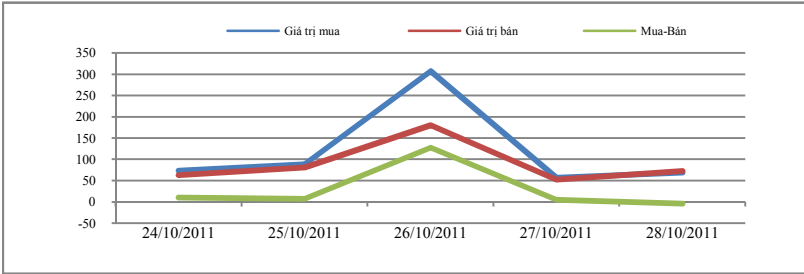
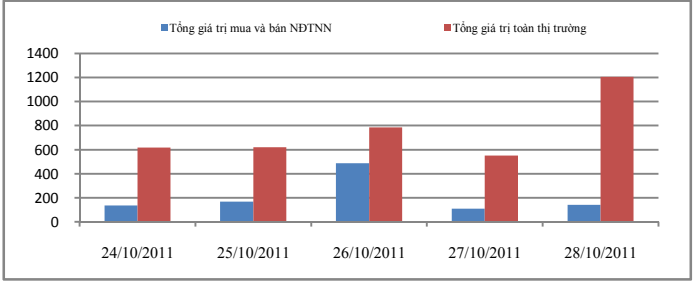
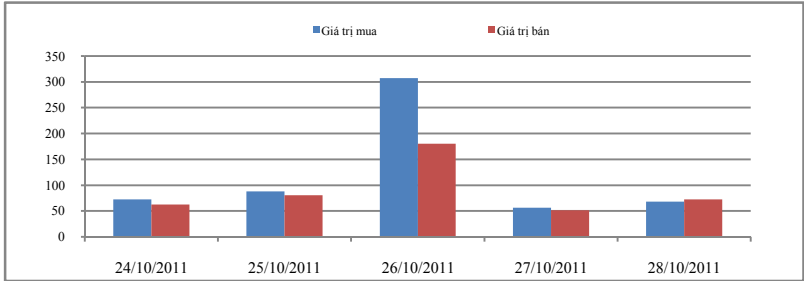
GIÁ TRỊ (tỷ đồng)	TUẦN							
	05/09-09/09	12/09-16/09	19/09-23/09	26/09-30/09	03/10-07/10	10/10-14/10	17/10-21/10	24/10-28/10
Giá trị mua	767.52	1,123.72	1,232.05	545.67	393.61	273.14	453.26	592.67
Giá trị bán	658.18	1,815.55	1,366.65	795.40	562.88	210.94	531.51	447.43
Mua-Bán	109.34	(691.83)	(134.60)	(249.73)	(169.27)	62.20	(78.25)	145.24
Tổng giá trị mua và bán NĐTNN	1,425.70	2,939.27	2,598.70	1,341.07	956.49	484.08	984.77	1,040.10
Tổng giá trị toàn thị trường	7,482.11	9,817.60	7,018.89	6,301.99	4,471.38	3,607.22	3,493.99	3,776.70
% GDNĐTNN so với thị trường	19.05%	29.94%	37.02%	21.28%	21.39%	13.42%	28.18%	27.54%

(GTGD NĐTNN là tổng giá trị mua và bán, giá trị toàn thị trường tính cả giao dịch thỏa thuận)



GIÁ TRỊ (tỷ đồng)	NGÀY				
	24/10/2011	25/10/2011	26/10/2011	27/10/2011	28/10/2011
Giá trị mua	72.70	88.04	307.35	56.25	68.33
Giá trị bán	62.47	80.68	180.12	51.70	72.46
Mua-Bán	10.23	7.36	127.23	4.55	(4.13)
Tổng giá trị mua và bán NĐTNN	135.17	168.72	487.47	107.95	140.79
Tổng giá trị toàn thị trường	617.50	619.64	784.08	550.09	1,205.39
% GDNĐTN so với thị trường	21.89%	27.23%	62.17%	19.62%	11.68%

(GTGD NĐTNN là tổng giá trị mua và bán, giá trị toàn thị trường tính cả giao dịch thỏa thuận)



MÃ CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH NHIỀU NHẤT THEO GIÁ TRỊ

THÁNG 09-2011

HOSE							
MUA RỒNG NHIỀU NHẤT				BÁN RỒNG NHIỀU NHẤT			
STT	MCK	KL	GT (1000đ)	STT	MCK	KL	GT (1000đ)
1	SSI	4,686,480	96,969,492	1	VIC	4,347,300	451,307,340
2	KDC	2,631,270	91,845,457	2	HAG	5,333,670	184,941,308
3	PNJ	1,990,590	70,669,289	3	FPT	2,988,400	155,222,635
4	IJC	4,971,690	62,329,930	4	DPM	2,931,860	94,248,089
5	MSN	394,430	59,432,460	5	TTP	2,693,672	78,739,837
6	SJS	1,019,550	30,938,206	6	CTG	2,419,600	61,725,601
7	DHG	458,141	27,475,535	7	HPG	2,080,280	58,570,456
8	VSH	2,361,330	24,721,820	8	HSG	3,919,530	45,232,229
9	BVH	151,860	16,961,050	9	OGC	2,875,390	40,962,934
10	OPC	592,150	14,809,115	10	STB	2,903,454	39,820,543

HNX							
MUA RỒNG NHIỀU NHẤT				BÁN RỒNG NHIỀU NHẤT			
STT	MCK	KL	GT (1000đ)	STT	MCK	KL	GT (1000đ)
1	VCG	674,500	10,327,850	1	PGS	698,000	16,033,140
2	VND	741,000	10,181,140	2	VNF	554,300	15,215,810
3	PVX	514,900	6,806,130	3	BVS	358,800	5,944,340
4	TAG	309,500	6,564,680	4	SJI	246,710	5,088,343
5	PVI	338,900	6,321,300	5	DLR	153,500	3,281,050
6	SHB	712,800	6,185,410	6	SCR	173,500	2,181,650
7	NET	135,000	4,970,990	7	PLC	80,700	1,714,960
8	PVG	290,100	4,379,560	8	VCS	75,381	1,421,152
9	KLS	168,400	2,589,040	9	VNR	108,500	1,342,790
10	DBC	120,500	1,932,020	10	NTP	42,500	1,318,660

TUẦN TỪ (24/10-28/10)

HOSE							
MUA RỒNG NHIỀU NHẤT				BÁN RỒNG NHIỀU NHẤT			
STT	MCK	KL	GT (1000đ)	STT	MCK	KL	GT (1000đ)
1	FPT	2,033,440	101,723,929	1	HAG	572,650	16,891,727
2	BVH	223,530	15,065,935	2	DHG	176,374	11,381,855
3	VCB	346,120	9,159,412	3	SSI	536,510	9,161,865
4	SJS	363,470	8,694,444	4	VHC	281,454	8,741,673
5	PVD	221,250	8,554,672	5	CSM	778,600	8,668,111
6	CTG	293,960	7,274,582	6	PPC	900,460	6,083,064
7	REE	557,130	6,381,980	7	DPM	163,340	5,233,742
8	PAC	206,030	5,948,767	8	VFG	124,240	4,185,740
9	IJC	531,370	5,600,620	9	VCF	37,790	3,779,000
10	DIG	318,840	5,154,921	10	PVF	282,160	3,463,488

HNX							
MUA RỒNG NHIỀU NHẤT				BÁN RỒNG NHIỀU NHẤT			
STT	MCK	KL	GT(1000đ)	STT	MCK	KL	GT(1000đ)
1	PGS	272,700	6,344,690	1	BKS	322,000	3,130,570
2	PVG	460,600	5,964,640	2	PVS	161,300	2,500,000
3	PVX	475,900	5,201,040	3	SDT	128,300	1,453,020
4	PVE	193,000	2,301,040	4	BVS	58,300	856,600
5	VCG	149,400	1,797,240	5	VNR	35,700	414,420
6	VND	137,000	1,427,400	6	PLC	15,000	313,350
7	WSS	203,000	1,057,270	7	PVI	20,300	312,770
8	KLS	123,300	1,017,750	8	SHN	15,000	147,000
9	AVS	180,000	797,680	9	NLC	4,600	62,100
10	ICG	35,000	467,790	10	BBS	6,000	45,300

Bộ phận phân tích

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (SeASecurities)

Địa chỉ: 14 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 84 4 62753844

Fax: 84 4 62753816

Website: www.seasc.com.vn

Chi nhánh

Địa chỉ: Tầng 2, Tháp A&B 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp HCM

Điện thoại: 84 8 39255579

Fax: 84 8 39255665

Số liệu trên do bộ phận phân tích SeASecurities tổng hợp từ những nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy, số liệu thống kê chỉ dùng vào mục đích tham khảo, chúng tôi không chịu trách nhiệm về tính chính xác của những số liệu nêu trên.